

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

**BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 9 NĂM 2026
PHẠM VI: TỈNH KHÁNH HÒA**

**TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Trần Trung

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo.....	3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo	3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất.....	3
1.2.2. Mức nước dưới đất	3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất.....	8
II. CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC	9
2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất	9
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)	9
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh).....	10
2.1.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp).....	12
2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n).....	13
2.1.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Jura dưới-giữa (j ₁₋₂)..	13
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất.....	15
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất	15
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	15

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất tháng tỉnh Khánh Hòa được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất phục vụ các mục đích quản lý, khai thác tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Khánh Hoà là một tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ có diện tích tự nhiên là 8.555,86 km². Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất tháng 8 và chất lượng nước mùa khô năm 2026; dự báo mực nước dưới đất tháng tiếp theo tại các tầng chứa nước, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng trong phạm vi 28 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

Nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp), tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n), tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Jura dưới-giữa (j₁₋₂). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: Tầng chứa nước qh là 392.038 m³/ngày, tầng chứa nước qp là 274.927 m³/ngày, tầng chứa nước n là 6.782 m³/ngày và tầng chứa nước j₁₋₂ là 304.028 m³/ngày. Chưa có số liệu nghiên cứu đánh giá tài nguyên nước dự báo tầng chứa nước q.

1.2.2. Mực nước dưới đất

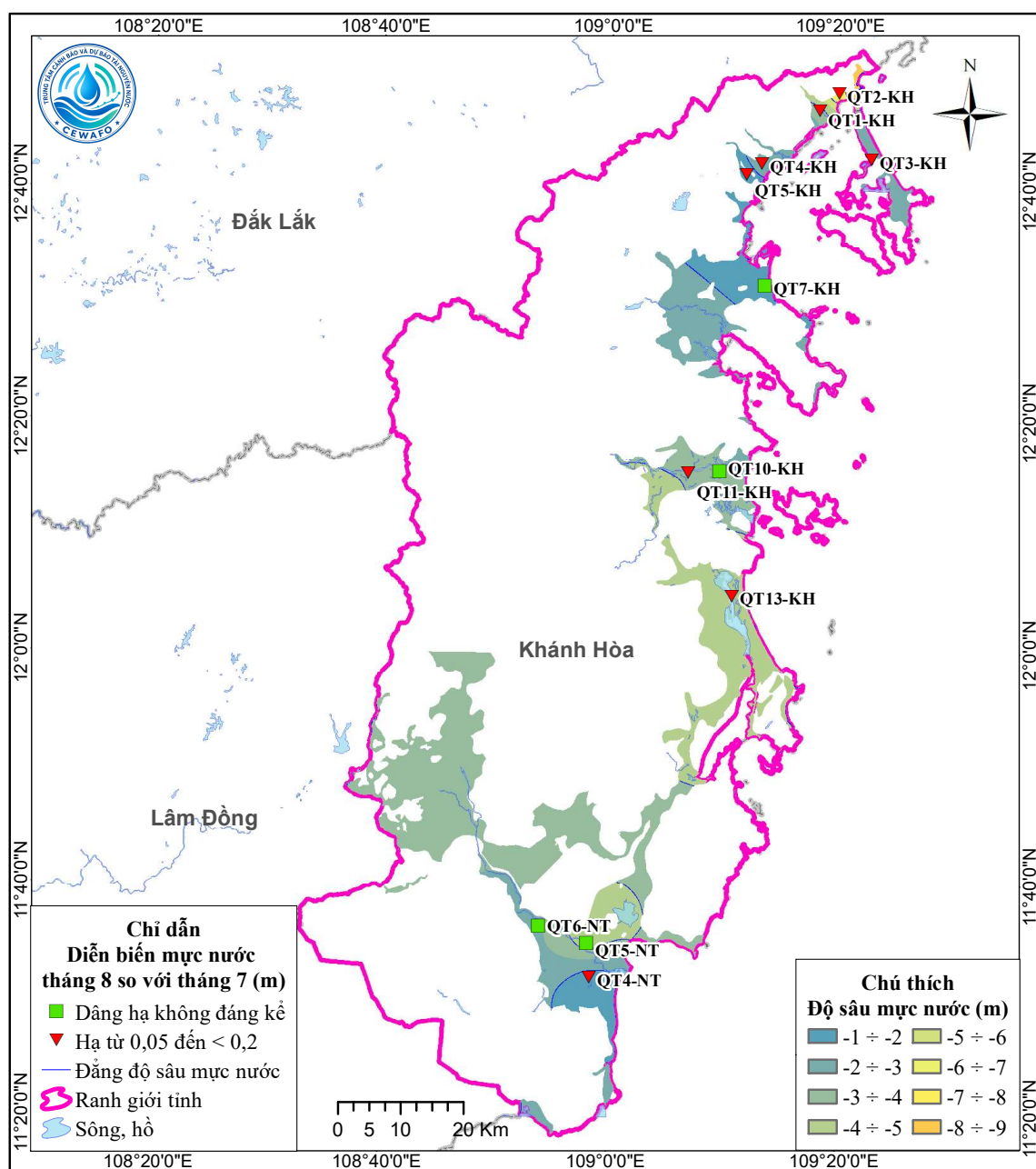
1.2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

Theo kết quả quan trắc tại công trình QT15-KH thuộc xã Cam An mực nước trung bình tháng 8 dâng hạ không đáng kể so với tháng 7.

1.2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế hạ so với tháng 7. Giá trị hạ thấp nhất là 0,18m tại xã Vạn Ninh (QT4-KH).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,4m tại xã Ninh Phước (QT4-NT) và sâu nhất là -7,32m tại xã Đại Lãnh (QT2-KH).

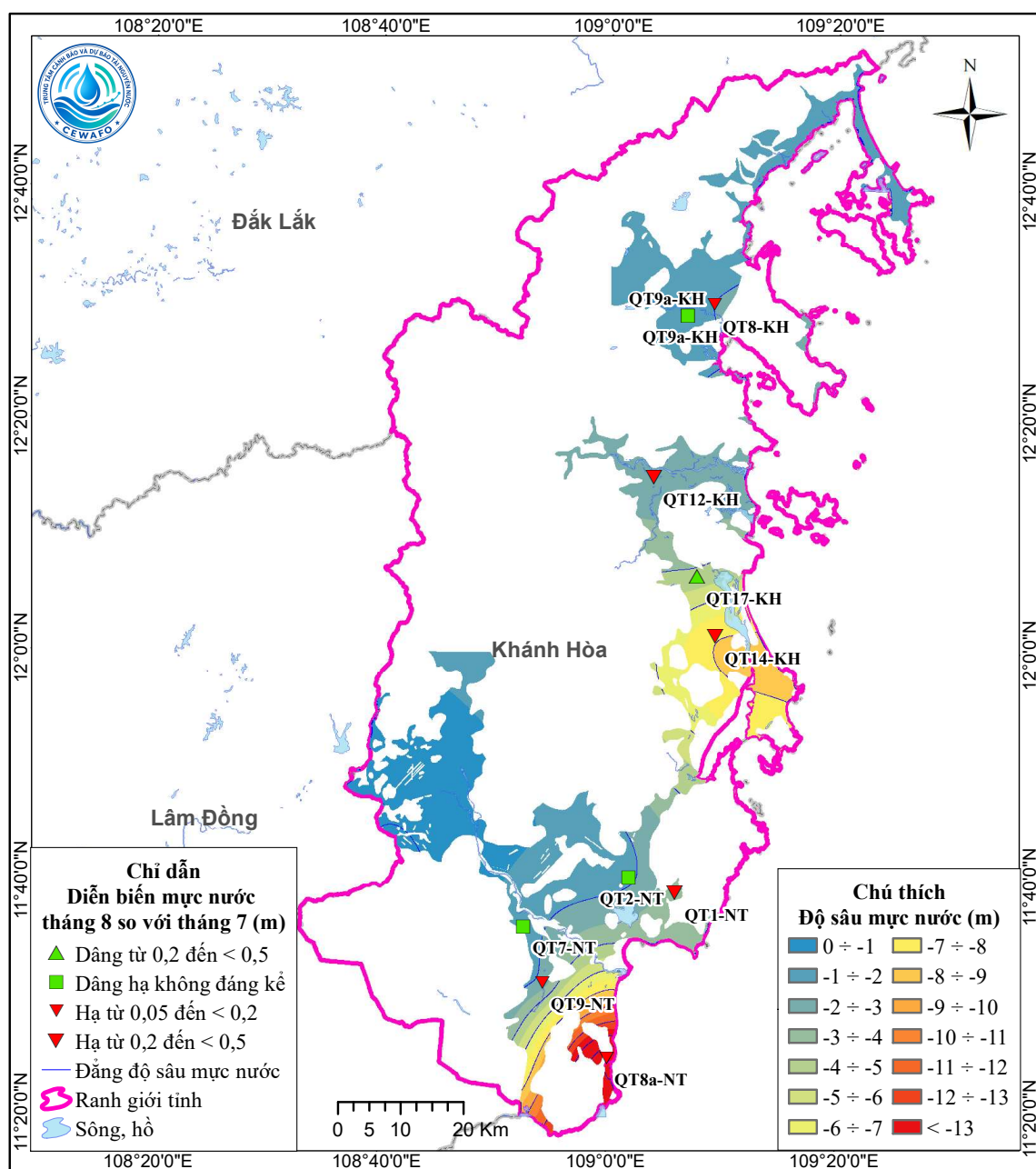


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng qh

1.2.2.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế hạ so với tháng 7. Giá trị hạ thấp nhất là 0,33m tại xã Cam Lâm (QT14-KH) và giá trị dâng cao nhất là 0,39m tại xã Cam Lâm (QT17-KH).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,47m tại xã Tân Định (QT9a-KH) và sâu nhất là -17,86m tại xã Phước Dinh (QT8a-NT).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng qp

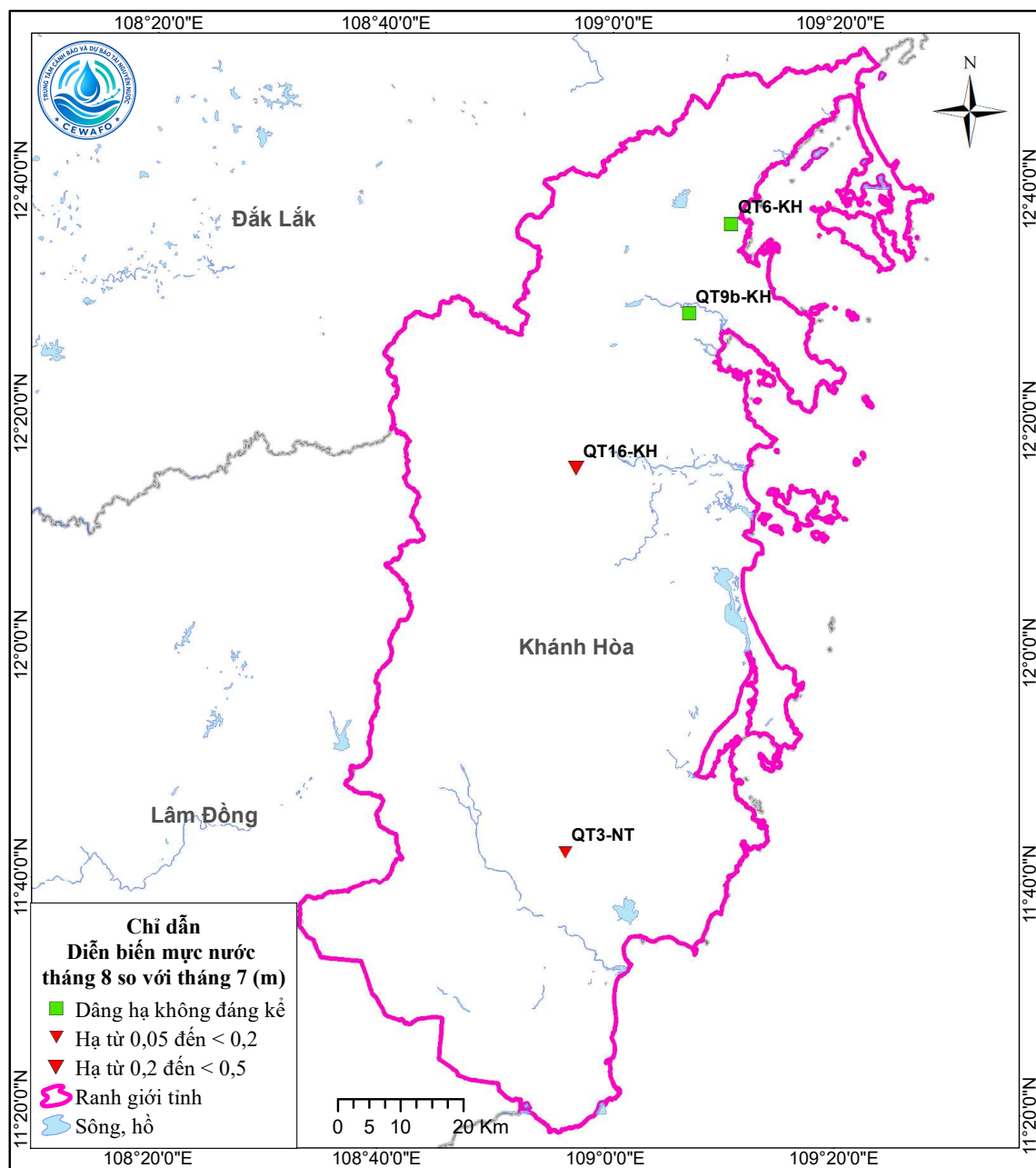
1.2.2.4. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Theo kết quả quan trắc tại công trình QT8b-NT thuộc xã Phước Dinh mực nước trung bình tháng 8 hạ 0,07m so với tháng 7.

1.2.2.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Jura dưới-giữa (j_{1-2})

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế hạ so với tháng 7. Giá trị hạ thấp nhất là 0,21m tại xã Khánh Vĩnh (QT16-KH).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -1,3m tại xã Tân Định (QT9b-KH) và sâu nhất là -4,92m tại xã Khánh Vĩnh (QT16-KH).



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng j₁₋₂

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I	Tầng chứa nước q				
1	QT15-KH	xã Cam An	-4,97	-5,11	-5,03
II	Tầng chứa nước qh				
1	QT1-KH	xã Tu Bông	-3,35	-3,67	-3,49

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
2	QT2-KH	xã Đại Lãnh	-7,22	-7,43	-7,33
3	QT3-KH	xã Đại Lãnh	-2,60	-2,68	-2,64
4	QT5-KH	xã Vạn Ninh	-1,51	-1,58	-1,55
5	QT7-KH	P. Đông Ninh Hòa	-1,64	-1,98	-1,83
6	QT10-KH	P. Tây Nha Trang	-3,11	-3,18	-3,14
7	QT13-KH	xã Cam Lâm	-4,79	-5,05	-4,92
8	QT4-KH	xã Vạn Ninh	-2,34	-2,40	-2,37
9	QT11-KH	xã Diên Khánh	-3,78	-3,94	-3,87
10	QT4-NT	xã Ninh Phước	-1,32	-1,49	-1,40
11	QT5-NT	P. Bảo An	-4,39	-4,45	-4,42
12	QT6-NT	xã Phước Hậu	-2,81	-2,93	-2,87
III Tầng chứa nước qp					
1	QT8-KH	P. Ninh Hòa	-1,92	-2,05	-2,00
2	QT12-KH	xã Diên Lạc	-2,42	-2,77	-2,60
3	QT14-KH	xã Cam Lâm	-7,80	-8,02	-7,91
4	QT9a-KH	xã Tân Định	-1,39	-1,76	-1,47
5	QT17-KH	xã Cam Lâm	-4,17	-4,59	-4,34
6	QT8a-NT	xã Phước Dinh	-17,84	-17,87	-17,86
7	QT1-NT	xã Ninh Hải	-3,19	-3,56	-3,33
8	QT2-NT	xã Thuận Bắc	-1,77	-1,89	-1,82
9	QT7-NT	xã Phước Hậu	-1,42	-1,63	-1,53
10	QT9-NT	xã Phước Hữu	-2,52	-2,60	-2,55
IV Tầng chứa nước n					
1	QT8b-NT	xã Phước Dinh	-18,25	-18,28	-18,27
V Tầng chứa nước j₁₋₂					
1	QT6-KH	xã Vạn Hưng	-1,26	-1,53	-1,38
2	QT9b-KH	xã Tân Định	-1,22	-1,55	-1,30
3	QT16-KH	xã Khánh Vĩnh	-4,63	-5,25	-4,93
4	QT3-NT	xã Mỹ Sơn	-4,51	-4,99	-4,66

1.2.3. Chất lượng nước dưới đất

1.2.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại công trình QT15-KH (xã Cam An) trong tầng được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT cho thấy các thông số chất lượng nước nằm trong GTGH.

1.2.3.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại các công trình quan trắc trong tầng được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT cho thấy đa số các thông số nằm trong GTGH, tuy nhiên một số thông số vượt GTGH, chi tiết như sau:

- Thông số Tổng Coliform: theo kết quả phân tích cho thấy có 5/12 công trình vượt GTGH (3MPN), vượt lớn nhất tại công trình QT2-KH (xã Đại Lãnh).

- Thông số Nitrate: theo kết quả phân tích cho thấy có 1/12 công trình vượt GTGH (15mg/l), tại công trình QT4-KH (xã Vạn Ninh).

- Thông số Amoni: theo kết quả phân tích có 4/12 công trình vượt GTGH (1mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT10-KH (P. Tây Nha Trang).

- Chỉ số chỉ số Permanganat: theo kết quả phân tích có 3/12 công trình vượt GTGH (4mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT7-KH (P. Đông Ninh Hòa).

- Thông số Tổng chất rắn hòa tan: theo kết quả phân tích có 1/12 công trình vượt GTGH (1500mg/l), tại công trình QT7-KH (P. Đông Ninh Hòa).

- Thông số Chloride: theo kết quả phân tích có 2/12 công trình vượt GTGH (250mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT7-KH (P. Đông Ninh Hòa).

- Thông số Mangan: theo kết quả phân tích cho thấy có 8/12 công trình vượt GTGH (0,5mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT11-KH (xã Diên Khánh).

- Thông số Sắt: theo kết quả phân tích có 2/12 công trình vượt GTGH (5mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT11-KH (xã Diên Khánh).

1.2.3.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại các công trình quan trắc trong tầng được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT cho thấy đa số các thông số nằm trong GTGH, tuy nhiên một số thông số vượt GTGH, chi tiết như sau:

- Thông số Tổng Coliform: theo kết quả phân tích cho thấy có 1/10 công trình vượt GTGH (3MPN), tại công trình QT2-NT (xã Thuận Bắc).

- Thông số Nitrate: theo kết quả phân tích cho thấy có 1/10 công trình vượt GTGH (15mg/l), tại công trình QT9-NT (xã Phước Hữu).

- Thông số Amoni: theo kết quả phân tích có 2/10 công trình vượt GTGH (1mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT12-KH (xã Diên Lạc).

- Chỉ số Permanganat: theo kết quả phân tích có 1/10 công trình vượt GTGH (4mg/l), tại công trình QT9a-KH (xã Tân Định).

- Thông số Tổng chất rắn hòa tan: theo kết quả phân tích có 2/10 công trình vượt GTGH (1500mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT2-NT (xã Thuận Bắc).

- Thông số Chloride: theo kết quả phân tích có 2/10 công trình vượt GTGH (250mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT9a-KH (xã Tân Định).

- Thông số Mangan: theo kết quả phân tích cho thấy có 2/10 công trình vượt GTGH (0,5mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT12-KH (xã Diên Lạc).

- Thông số Sắt: theo kết quả phân tích có 1/10 công trình vượt GTGH (5mg/l), tại công trình QT12-KH (xã Diên Lạc).

1.2.3.4. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại công trình QT8b-NT (xã Phước Dinh) trong tầng được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT cho thấy các thông số chất lượng nước nằm trong GTGH.

1.2.3.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Jura dưới-giữa (j₁₋₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại các công trình quan trắc trong tầng được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT cho thấy đa số các thông số nằm trong GTGH, tuy nhiên một số thông số vượt GTGH, chi tiết như sau:

- Thông số Tổng Coliform: theo kết quả phân tích cho thấy có 2/4 công trình vượt GTGH (3MPN), vượt lớn nhất tại công trình QT6-KH (xã Vạn Hưng).

- Thông số Amoni: theo kết quả phân tích có 1/4 công trình vượt GTGH (1mg/l), tại công trình QT9b-KH (xã Tân Định).

- Thông số Độ cứng: theo kết quả phân tích có 1/4 công trình vượt GTGH (500mg/l), tại công trình QT6-KH (xã Vạn Hưng).

- Thông số Chloride: theo kết quả phân tích có 2/4 công trình vượt GTGH (250mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT9b-KH (xã Tân Định).

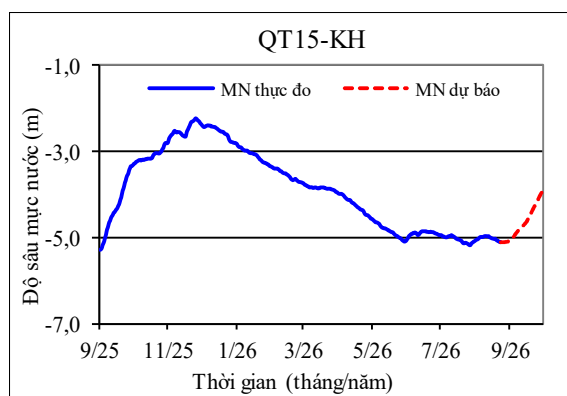
- Thông số Mangan: theo kết quả phân tích cho thấy có 2/4 công trình vượt GTGH (0,5mg/l), vượt lớn nhất tại công trình QT16-KH (xã Khánh Vĩnh).

II. CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất

2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

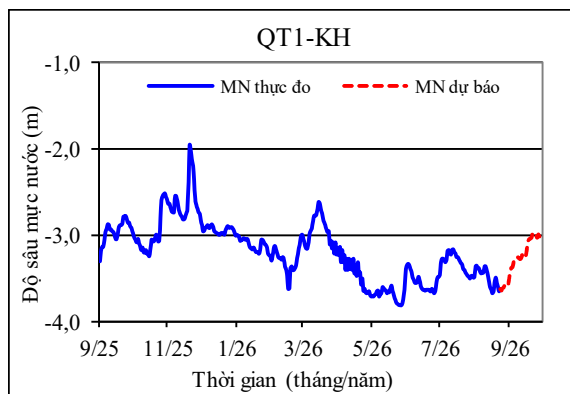
Trong tháng 9 mực nước tại công trình QT15-KH có xu thế dâng từ 0,2m đến 0,5m so với mực nước quan trắc tháng 8. Chi tiết diễn biến mực nước như sau:



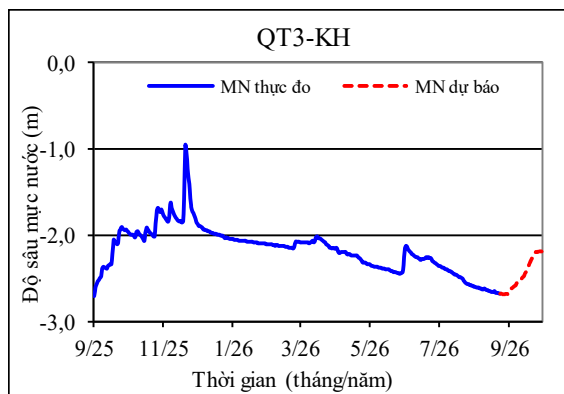
Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng q

2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

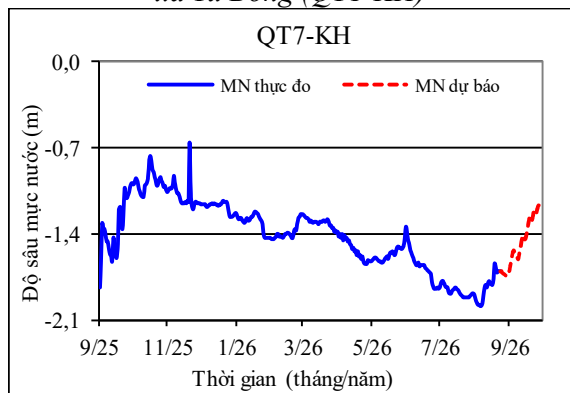
Trong tháng 9 mực nước có xu thế dâng, mực nước dao động từ 0,12m đến 0,56m. Chi tiết diễn biến mực nước tại các công trình được thể hiện như sau:



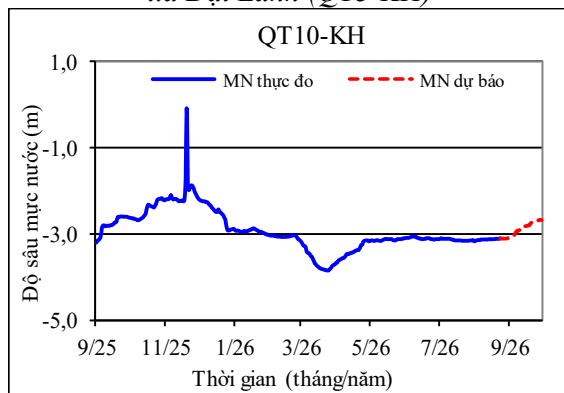
xã Tu Bông (QT1-KH)



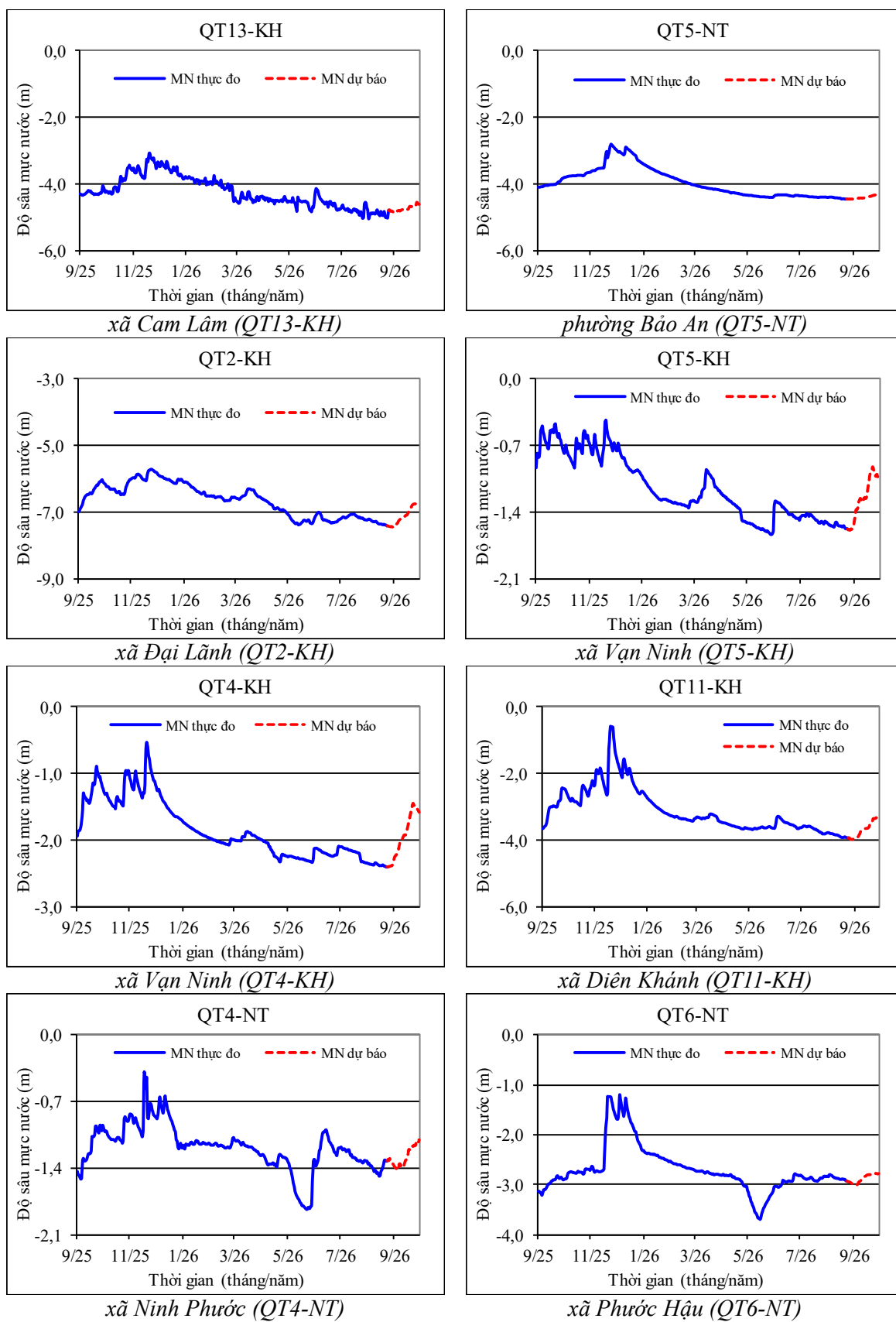
xã Đại Lãnh (QT3-KH)



phường Đông Ninh Hòa (QT7-KH)



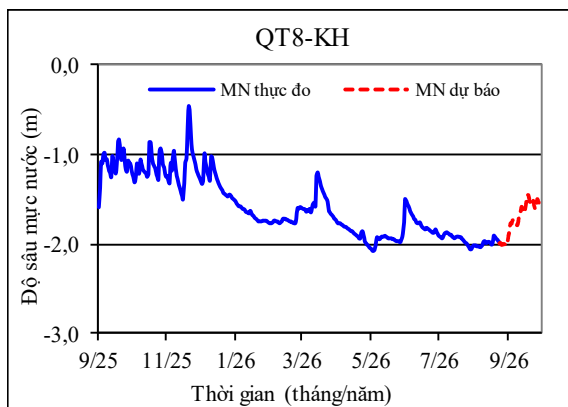
phường Tây Nha Trang (QT10-KH)



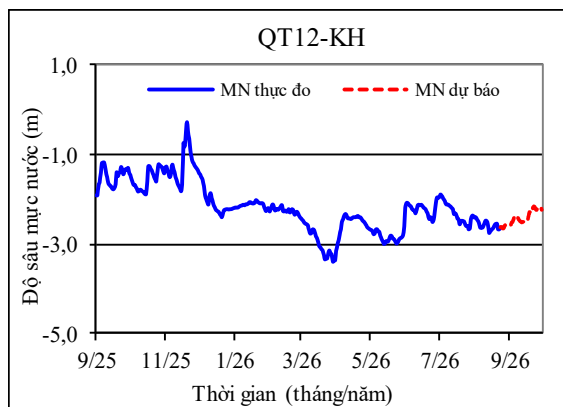
Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước tăng qh

2.1.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

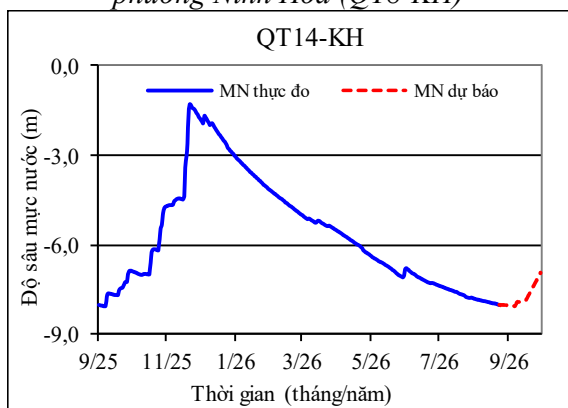
Trong tháng 9 mực nước có xu thế dâng, mực nước dao động từ 0,15m đến 0,47m. Chi tiết diễn biến mực nước tại các công trình được thể hiện như sau:



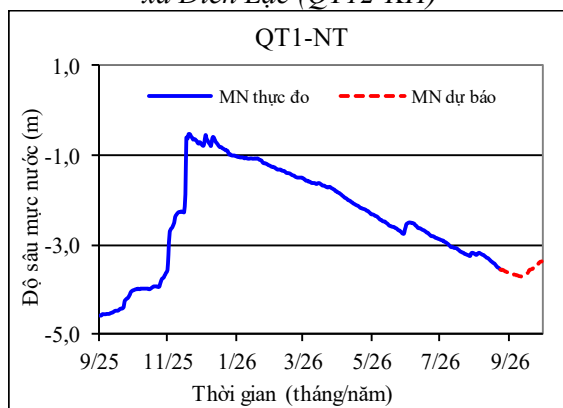
phường Ninh Hòa (QT8-KH)



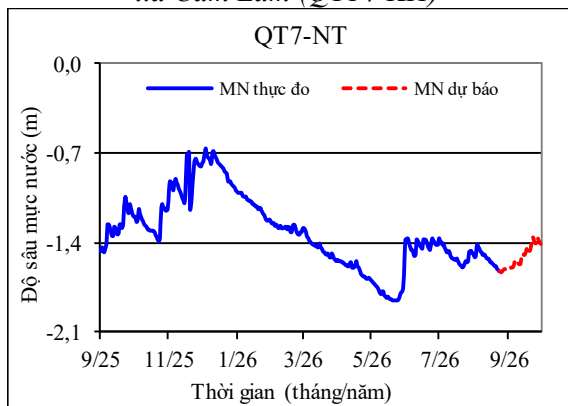
xã Diên Lạc (QT12-KH)



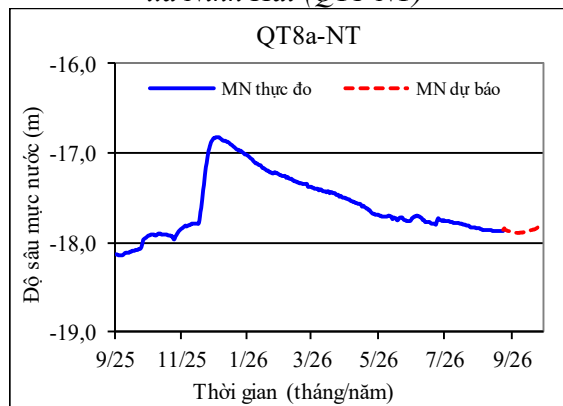
xã Cam Lâm (QT14-KH)



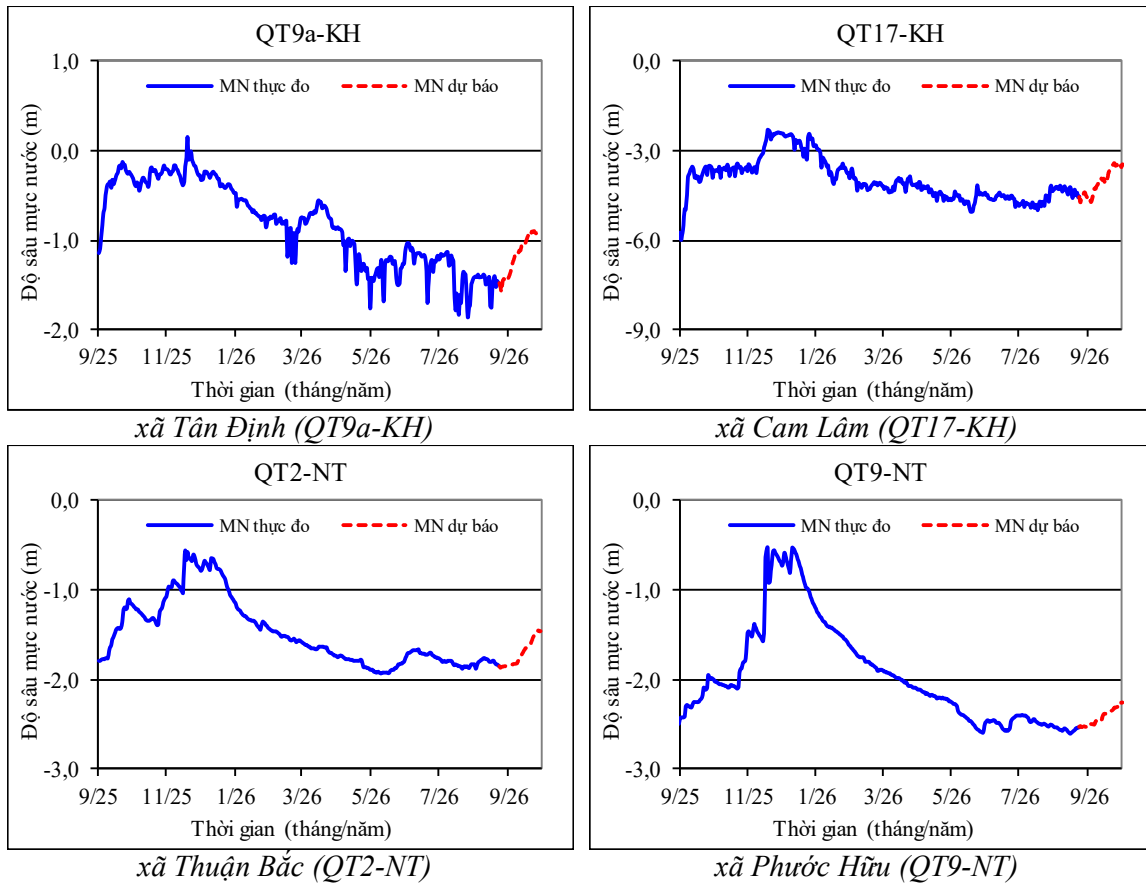
xã Ninh Hải (QT1-NT)



xã Phước Hậu (QT7-NT)



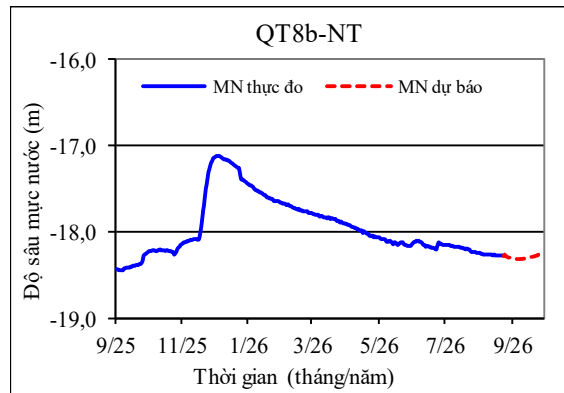
xã Phước Dinh (QT8a-NT)



Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

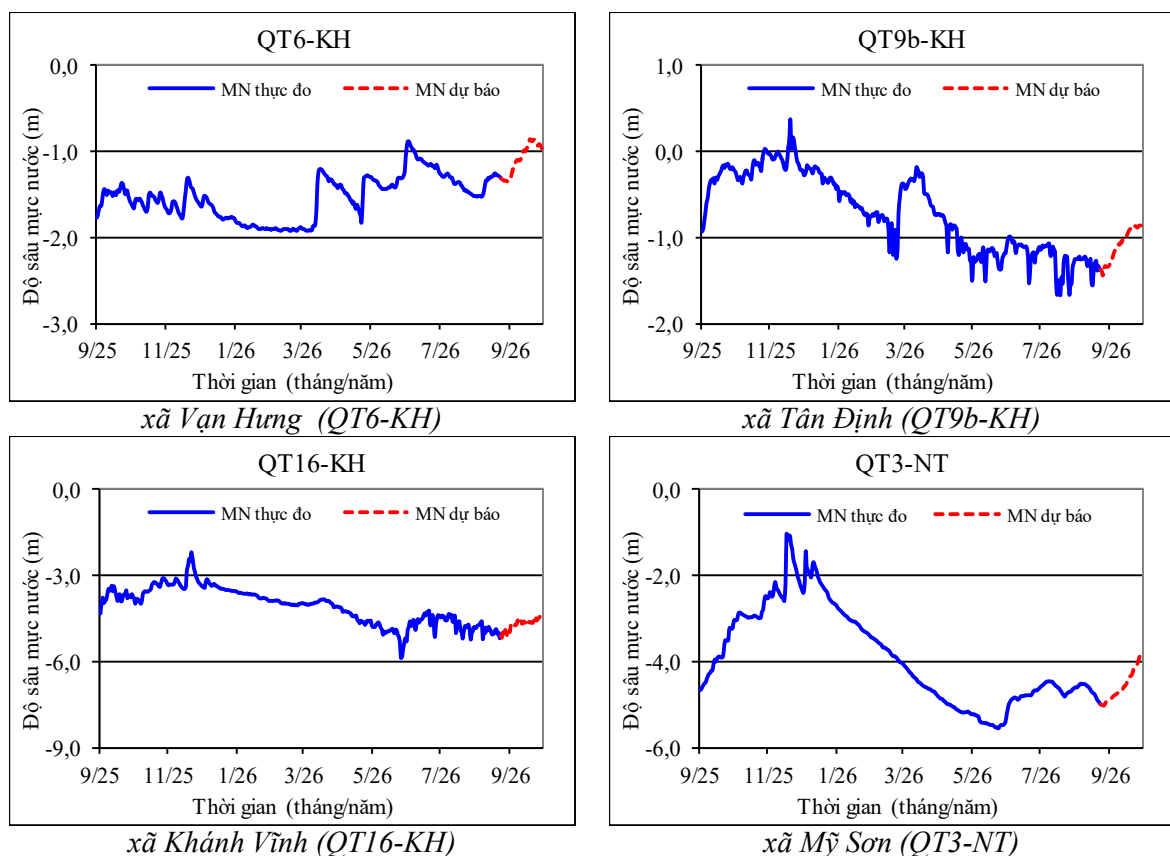
Trong tháng 9 mực nước tại công trình QT8b-NT có xu thế dâng hạ không đáng kể so với mực nước quan trắc tháng 8. Chi tiết diễn biến mực nước được thể hiện như sau:



Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước tầng n

2.1.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Jura dưới-giữa (j₁₋₂)

Trong tháng 9 mực nước có xu thế dâng, mực nước dao động từ 0,26m đến 0,38m. Chi tiết diễn biến mực nước tại các công trình được thể hiện như sau:



Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng j₁₋₂

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo tháng 9

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I	Tầng chứa nước q					
1	QT15-KH	xã Cam An	-3,90	-5,07	-4,55	1/9/2026
II	Tầng chứa nước qh					
1	QT1-KH	xã Tu Bông	-2,98	-3,42	-3,16	1/9/2026
2	QT2-KH	xã Đại Lãnh	-6,67	-7,44	-7,03	1/9/2026
3	QT3-KH	xã Đại Lãnh	-2,19	-2,65	-2,40	1/9/2026
4	QT5-KH	xã Vạn Ninh	-0,92	-1,43	-1,15	1/9/2026
5	QT7-KH	P. Đông Ninh Hòa	-1,16	-1,65	-1,38	1/9/2026
6	QT10-KH	P. Tây Nha Trang	-2,70	-3,08	-2,84	1/9/2026
7	QT13-KH	xã Cam Lâm	-4,55	-4,83	-4,72	2/9/2026
8	QT4-KH	xã Vạn Ninh	-1,45	-2,25	-1,81	1/9/2026
9	QT11-KH	xã Diên Khánh	-3,35	-3,96	-3,62	1/9/2026
10	QT4-NT	xã Ninh Phước	-1,11	-1,43	-1,28	4/9/2026
11	QT5-NT	P. Bảo An	-4,28	-4,45	-4,38	1/9/2026
12	QT6-NT	xã Phước Hậu	-2,75	-3,01	-2,84	2/9/2026
III	Tầng chứa nước qp					
1	QT8-KH	P. Ninh Hòa	-1,45	-1,85	-1,62	1/9/2026

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
2	QT12-KH	xã Diên Lạc	-2,19	-2,62	-2,39	1/9/2026
3	QT14-KH	xã Cam Lâm	-6,88	-8,07	-7,67	6/9/2026
4	QT9a-KH	xã Tân Định	-0,89	-1,41	-1,05	1/9/2026
5	QT17-KH	xã Cam Lâm	-3,42	-4,70	-3,87	2/9/2026
6	QT8a-NT	xã Phước Dinh	-17,80	-17,90	-17,87	7/9/2026
7	QT1-NT	xã Ninh Hải	-3,39	-3,71	-3,59	11/9/2026
8	QT2-NT	xã Thuận Bắc	-1,45	-1,86	-1,66	1/9/2026
9	QT7-NT	xã Phước Hậu	-1,36	-1,60	-1,49	1/9/2026
10	QT9-NT	xã Phước Hữu	-2,25	-2,51	-2,38	1/9/2026
IV Tầng chứa nước n						
1	QT8b-NT	xã Phước Dinh	-18,22	-18,32	-18,29	6/9/2026
V Tầng chứa nước j₁₋₂						
1	QT6-KH	xã Vạn Hưng	-0,87	-1,30	-1,01	1/9/2026
2	QT9b-KH	xã Tân Định	-0,86	-1,30	-1,00	1/9/2026
3	QT16-KH	xã Khánh Vĩnh	-4,42	-4,79	-4,62	4/9/2026
4	QT3-NT	xã Mỹ Sơn	-3,77	-4,87	-4,40	1/9/2026

2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Dự báo mức nước dưới đất tháng 9 so với mức nước quan trắc tháng 8 có xu thế dâng tại tầng chứa nước q, qh, qp, j₁- và dâng hạ không đáng kể tại tầng chứa nước n.

2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo Khoản 18 Điều 1 của Nghị định 23/2026/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất (từ 50% so với mức nước hạ thấp cho phép trở lên), trong tỉnh thời điểm hiện tại có 1 công trình có độ sâu mức nước cần phải cảnh báo (xem bảng sau). Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác quanh khu vực này.

Bảng 3. Cảnh báo độ sâu mức nước trung bình tháng 8

STT	SHLK	TCN	Vị trí	Độ sâu mức nước (m)	Ngưỡng GHCP (m)	% đạt đến ngưỡng GHCP
1	QT8a-NT	qp	xã Phước Dinh	-17,86	-30	59,53

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương và các tổ chức, cá nhân có khai thác sử dụng nguồn nước dưới đất tiếp tục theo dõi và có các

biện pháp, kế hoạch khai thác phù hợp đối với các khu vực có độ sâu mực nước vượt ngưỡng cho phép đặc biệt là tại khu vực xã Phước Dinh.

Đa số các thông số chất lượng nước trong tỉnh nằm trong GTGH theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở các tầng chứa nước qh, qp, và j₁₋₂. Các thông số vượt bao gồm tổng Coliform, Nitrate, Amoni, chỉ số Permanganat, Tổng chất rắn hòa tan, Độ cứng, Chloride, Mangan và Sắt.

Một số khu vực đáng chú ý gồm:

- Tầng qh: Tổng Coliform vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT2-KH (xã Đại Lãnh); Nitrate vượt GTGH tại công trình QT4-KH (xã Vạn Ninh); Amoni vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT10-KH (P. Tây Nha Trang); chỉ số Permanganat, Tổng chất rắn hòa tan, Chloride vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT7-KH (P. Đông Ninh Hòa) và Mangan, Sắt vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT11-KH (xã Diên Khánh).

- Tầng qp: Tổng Coliform, Tổng chất rắn hòa tan vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT2-NT (xã Thuận Bắc); Nitrate vượt GTGH tại công trình QT9-NT (xã Phước Hữu); Amoni, chỉ số Permanganat, Chloride vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT9a-KH (xã Tân Định) và Mangan, Sắt vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT12-KH (xã Diên Lạc).

- Tầng j₁₋₂: Tổng Coliform, Amoni, Chloride vượt GTGH tại công trình QT9b-KH (xã Tân Định); Độ cứng vượt GTGH tại công trình QT6-KH (xã Vạn Hưng) và Mangan vượt GTGH lớn nhất tại công trình QT16-KH (xã Khánh Vĩnh).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10, ngõ 42 Phố Trần Cung, P. Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

Email: ttqhdtnnqg_bkth@mae.gov.vn

Bản tin được phát hành vào ngày 3 tháng 9 năm 2026 và đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Chỉ số Permanganat	mg/l	4
	6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	7	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	8	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	9	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	10	Nitrite (NO_2^- tính theo Nito)	mg/l	1
	11	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	12	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	13	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	14	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	16	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	17	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	18	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	19	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	20	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	21	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	22	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	23	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	24	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	25	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	26	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	27	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	28	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	29	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	30	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	31	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	34	E. coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện